

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-02-2023

V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trình

2. Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Bá L, sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 01 đường N, tổ 86, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Bá L có ông Trần Tuấn L - Là Luật sư của Công ty Luật TNHH hai thành viên H thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Lê Bảo T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 01 đường Số 01 đường N, tổ 86, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2022, đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Bá L trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Lê Bảo T là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ. Trong thời kỳ hôn nhân, ông có tạo lập được khối tài sản là 01 ngôi nhà 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà

Năng, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số DC 912556 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/7/2021 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T. Tài sản trên, mặc dù hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng hầu như toàn bộ số tiền để đầu tư mua đất và làm nhà là từ nguồn tiền riêng của ông có được trước khi kết hôn. Đó là số tiền mà ông đã tích lũy và tiết kiệm được trong quá trình công tác. Do mâu thuẫn từ năm 2018 và bà T mong muốn được ly hôn đối với ông nên bà T đã tự nguyện thỏa thuận với ông là để bà T được trực tiếp nuôi hai con chung và sau khi nhận được Quyết định về việc ly hôn của Tòa án thì bà T sẽ cùng với ông ra công chứng để xác nhận trả lại toàn bộ nhà đất tại số 01 đường N là của riêng ông. Thỏa thuận này được ghi nhận khi hòa giải, giải quyết về ly hôn và tại đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn cũng thể hiện nội dung này và bản thân ông có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay là 650.000.000 đồng, để có được số tiền trả cho Ngân hàng, ông đã phải đi vay mượn bạn bè, người thân để trả cho Ngân hàng Công thương để lấy giấy tờ nhà đất về nhằm cùng bà T ra công chứng sang tên nhà đất cho ông. Nhưng sau khi có quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thì bà T lại thay đổi ý kiến và không đồng ý cùng ông ra công chứng như đã thỏa thuận. Mặc dù tài sản có được là do công sức của ông, nhưng ông vẫn để cho bà T cùng ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản trên như sau: Bà T được nhận 02 phần (2/10), ông L được nhận 08 phần (8/10) giá trị ngôi nhà và thửa đất tại số 01 đường N, tổ 86, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, ông yêu cầu được nhận ngôi nhà, quyền sử dụng đất và ông sẽ thối trả phần chênh lệch tương ứng cho bà T.

Ngày 29/7/2022, ông L có đơn yêu cầu xin thay đổi nội dung khởi kiện, ông L đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau: Tuyên công nhận nội dung cam kết giữa ông và bà Nguyễn Lê Bảo T được xác lập tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018. Giao toàn bộ tài sản là ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại số 01 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cho ông sở hữu và sử dụng, ông sẽ tự nguyện hỗ trợ cho bà T số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Đối với chứng thư thẩm định giá ông thống nhất và không có ý kiến gì.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 23/6/2022, đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung sau khi ly hôn viết ngày 27/6/2022, đơn trình bày ý kiến viết ngày 15/7/2022 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Lê Bảo T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Bá L trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông L có tạo lập được khối tài sản chung là 01 ngôi nhà 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số DC 912556 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/7/2021 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê

Bảo T. Đồng thời, bà T cũng xác nhận trước khi ly hôn bà và ông L có lập một văn bản thỏa thuận về việc nuôi con và thỏa thuận về vấn đề tài sản (văn bản được lập ngày 04/10/2018), tuy nhiên do ông L đã vi phạm điều kiện cam kết trong văn bản thỏa thuận được lập giữa bà và ông L cụ thể: sau khi ly hôn ông L luôn tìm mọi cách để tách bà và các con ra với nhau, nói những điều không tốt về bà với các con, không cho bà được gần gũi với các con. Mặc khác, sau khi ly hôn bà có đề nghị sang tên tài sản qua cho ông L, lúc đó có sự chứng kiến của 02 con chung là Bảo L và Khánh L nhưng ông L không đồng ý, ông L cho rằng đây là tài sản chung của ông L và bà nên không có chuyện sang tên cho ông. Do vậy, nội dung cam kết giữa bà và ông Nguyễn Bá L được xác lập tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018 chỉ là một bản nháp không có giá trị, bà không đồng ý với yêu cầu của ông L. Bà yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa bà và ông L như sau: Mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung sau khi trừ số tiền ông L đã trả nợ cho ngân hàng là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), bà đồng ý giao nhà và quyền sử dụng đất cho ông L sở hữu và sử dụng, ông L có nghĩa vụ bồi trả cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung. Đối với chứng thư thẩm định giá bà thống nhất và không có ý kiến gì.

Ngoài ra trong thời kỳ hôn nhân bà và ông L còn tạo lập được các tài sản sau: Thương hiệu phở “L”, giá trị thương hiệu ước tính khoảng 1.000.000.000 đồng, bà đề nghị Tòa án chia theo tỷ lệ 50/50, phần bà được nhận là 500.000.000 đồng, bà có nguyện vọng được nhận tiền mặt và để lại thương hiệu phở “L” cho ông L được toàn quyền sử dụng; tiền thuê mặt bằng ông L đã tự ý kinh doanh trên căn nhà chung tại địa chỉ số 01 đường N từ ngày 8/8/2019 cho đến nay mà không có sự cho phép của bà T (tạm tính là 35 tháng) và bà yêu cầu được nhận 50% tiền thuê mặt bằng để kinh doanh tại địa chỉ trên, ông L phải trả cho bà số tiền 350.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T tự nguyện rút các yêu cầu trên, không yêu cầu giải quyết.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Luật sư Trần Tuấn L đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T như sau:*

Ngôi nhà 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của ông L và bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, ngày 04 tháng 10 năm 2018 bà T và ông L cam kết bà T đồng ý sang tên ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại số 01 đường N cho ông L và ông L có nghĩa vụ trả khoản nợ cho ngân hàng. Trước khi ly hôn ông L đã trả xong toàn bộ khoản nợ là 650.000.000 đồng cho ngân hàng, khi ly hôn ông L đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Như vậy, ông L đã thực hiện được 2/3 nội dung đã cam kết nhưng bà T không thực hiện việc sang tên ngôi nhà và quyền sử dụng đất cho ông L. Đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau: xem xét về hoàn cảnh gia đình, công sức đóng góp của ông L đối với tài sản chung, lỗi dẫn đến việc ly hôn, ông L tuổi đã cao và căn cứ

Điều 129 Bộ luật dân sự công nhận nội dung cam kết giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T được xác lập tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018 công nhận tài sản là ngôi nhà 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của ông L, ông L tự nguyện hỗ trợ cho bà T số tiền là 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng).

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá L, chia cho ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung sau khi trừ khoản nợ 650.000.000đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) ông Nguyễn Bá L đã trả nợ ngân hàng.

+ Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Lê Bảo T về việc giải quyết chia tài sản chung là thương hiệu phở L và chia tiền thuê mặt bằng kinh doanh tại địa chỉ số 01 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng với số tiền là 350.000.000đồng.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá L khởi kiện đối với bà Nguyễn Lê Bảo T về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn. Do đó quan hệ pháp luật là “ *Chia tài sản sau khi ly hôn*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Bá L khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Lê Bảo T có địa chỉ cư trú tại số 01 đường N, tổ 86, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Bá L yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông và bà Nguyễn Lê Bảo T như sau: Công nhận nội dung cam kết giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T được xác lập tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018, giao cho

ông được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng và được quyền sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, ông tự nguyện hỗ trợ cho bà Nguyễn Lê Bảo T số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Bị đơn bà Nguyễn Lê Bảo T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, theo bà đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018 mà ông L cung cấp chỉ là bản nháp không có giá trị, bản chính nộp tại Tòa án để giải quyết ly hôn không có nội dung này. Đồng thời, trước khi ly hôn bà đồng ý giao toàn bộ tài sản cho ông L với điều kiện bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung nhưng sau khi ly hôn ông L nói những điều không tốt về bà với các con, lôi kéo các con về ở với ông L. Bà T không đồng ý với yêu cầu của ông L, bà T yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa bà và ông L như sau: Mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và quyền sử dụng đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại số 01 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

[2.1]. Xét thấy: Tại phiên tòa, ông L và bà T đều thừa nhận ngôi nhà 02 tầng được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số DC 912556 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/7/2021 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê B Trâm trị giá **14.996.595.331 đồng** (Mười bốn tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi một đồng) là tài sản chung của ông L và bà T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân.

Theo chứng cứ mà ông L cung cấp là đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết 04/10/2018 có nội dung: “ Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi đồng thuận ly hôn (im lặng ra tòa). Về con chung: Tôi Nguyễn Lê Bảo T được sự đồng ý của Nguyễn Bá L nuôi cả hai cháu, hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc chăm coi và tài chính, không đòi hỏi về tài chính để nuôi con từ Bố. Về tài sản chung: Chúng tôi có lô đất và căn nhà tại 01 N, tôi đồng ý sang tên cho anh Nguyễn Bá L và không có liên quan gì đến đất và nhà chung. Chúng tôi có quán phở (mặt bằng thuê) và đồng thuận chia lời cũng như lỗ theo tỷ lệ 50/50 đến khi nào đó hết hoạt động. Về nợ chung: Hiện chúng tôi đang nợ ngân hàng V là khoảng 650 tr (Sáu trăm năm mươi triệu), chúng tôi thỏa thuận là anh Nguyễn Bá L phải trả số tiền này trước khi tòa ra quyết định ly hôn để thuận cho việc tôi làm thủ tục sang tên sở hữu cho Nguyễn Bá L”.

Theo chứng cứ Tòa án thu thập là đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 20/11/2018 gửi Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết ly hôn có nội dung: “ Về quan hệ hôn nhân: Do quan điểm sống thay đổi, do chênh lệch tuổi tác, và nhiều lý do khác mà chúng tôi thỏa thuận im lặng trước tòa, nếu 2 vợ chồng tuân thủ nghiêm những điều tự thỏa thuận. Về con chung: Vợ tôi Nguyễn Lê Bảo T được quyền nuôi cả 2 con vì với tuổi già và nhiều bệnh tật mãn tính nặng nên không thể chăm lo tốt cho các cháu, tôi Nguyễn Bá L không phải chu cấp tiền bạc với mục đích nuôi dạy các con chung. Về tài sản chung:

Chúng tôi Nguyễn Bá L, Nguyễn Lê Bảo T đồng thuận tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có nợ chung của cả 2 vợ chồng”.

Tại phiên tòa, ông L và bà T xác nhận chữ viết trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết 04/10/2018 là chữ viết của bà Trâm, còn chữ viết trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 20/11/2018 là chữ viết của ông L, nội dung được viết trong 02 đơn không giống nhau và đơn gửi cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ để giải quyết ly hôn là đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 20/11/2018 có nội dung: Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, về nợ chung: Không có nợ chung của cả 2 vợ chồng. Đồng thời, nội dung cam kết bà T đồng ý sang tên cho ông L và không có liên quan gì đến đất và nhà chung được thể hiện tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết 04/10/2018 chứ không phải là một hợp đồng tặng cho riêng. Căn cứ Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “1. *Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.* 2. *Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký...*”. Như vậy, về hình thức và nội dung hợp đồng không đúng theo quy định tại Điều 457 và Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015.

Mặt khác, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: “ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T thuận tình ly hôn. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T như sau: Bà Nguyễn Lê Bảo T nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Nguyễn Bá Bảo L, sinh ngày 21/8/2006 và con Nguyễn Bá Khánh L, sinh năm: 13/02/2009 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Bá L không phải cấp dưỡng nuôi con chung... Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T xác định không có” và bà T cho rằng nội dung trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết 04/10/2018 chỉ là bản nháp giữa bà và ông L nên không đồng ý với yêu cầu của ông L. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc công nhận nội dung cam kết giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T được xác lập tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018.

[2.2] Hội đồng xét xử xác định ngôi nhà 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng trị giá 14.996.595.331 đồng là tài sản chung của ông L và bà T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Tuy nhiên, xét nguồn gốc để có được thửa đất trên là do công sức đóng góp của ông L nhiều hơn. Do vậy, chia cho ông L 60% giá trị tài sản chung là **8.997.957.198 đồng** (Tám tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn một trăm

chín mươi tám đồng) và chia cho bà T 40% giá trị tài sản chung là **5.998.638.133đồng** (Năm tỷ chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi ba đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 33; khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tại phiên tòa ông L yêu cầu được nhận ngôi nhà và quyền sử dụng đất và bà T đồng ý. Do vậy, giao cho ông L được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng có cấu trúc móng, trụ, khung, dầm dề bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa mattic, sơn màu, mái đúc dán ngói, trần thạch cao, nền lót gạch men và gỗ, tổng diện tích sàn 294,6m² và được quyền sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số DC 912556 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/7/2021 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T trị giá 14.996.595.331đồng (Mười bốn tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi một đồng). Ngôi nhà và thửa đất có tứ cận như sau: Cạnh Bắc giáp đường Lê Quang H và ngôi nhà số 02 đường L, cạnh Nam giáp đường N, cạnh Đông giáp nhà số 03 đường N, cạnh Tây giáp đường N và đường Lê Quang H (có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Bá L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho bà Nguyễn Lê Bảo T số tiền là 5.998.638.133đồng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà T rút yêu cầu chia tài sản chung là thương hiệu Phở L và yêu cầu ông L trả 350.000.000 đồng tiền thuê mặt bằng kinh doanh tại địa chỉ số 01 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng và nguyên đơn ông L đồng ý nên Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu trên.

[4] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 129 Bộ luật dân sự công nhận nội dung cam kết giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T được xác lập tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018 và công nhận tài sản là ngôi nhà 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của ông L và ông L tự nguyện hỗ trợ cho bà T số tiền là 2.000.000.000đồng. Như phân tích ở trên, nội dung cam kết bà T đồng ý sang tên cho ông L và không có liên quan gì đến đất và nhà chung được thể hiện tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết 04/10/2018 chứ không phải là một hợp đồng tặng cho riêng. Hình thức và nội dung không đúng theo quy định tại Điều 457 và Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chia cho ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích 262,7m² tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai

đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng trị giá 14.996.595.331 đồng sau khi trừ khoản nợ 650.000.000 đồng ông Nguyễn Bá L đã trả nợ ngân hàng và đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Lê Bảo T về việc giải quyết chia tài sản chung là thương hiệu phở L và chia tiền thuê mặt bằng kinh doanh tại địa chỉ số 01 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Như phân tích ở trên, nguồn gốc đề có được thửa đất tại địa chỉ số 01 đường N là do trước đây ông L thành lập Công ty TNHH sản xuất phim điện ảnh (ông L làm nghề đạo diễn) và được UBND thành phố Đà Nẵng duyệt cho mua 01 lô đất theo giá nhà nước, sau đó ông L và bà T bán lô đất này và mua lô đất khác ...cứ như vậy mua bán nhiều lần để kiếm lợi nhuận. Đồng thời, trước khi ông L và bà T ly hôn thì một mình ông L đã thanh toán toàn bộ khoản nợ 650.000.000 đồng cho ngân hàng nên công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông L nhiều hơn bà T. Mặt khác, bà T thừa nhận hiện ông L tuổi đã cao, bị bệnh nên khả năng làm ra tiền để chi tiêu sinh hoạt khó hơn bà. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên, chia cho ông L 60% giá trị tài sản chung, chia cho bà T 40% giá trị tài sản chung.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí DSST ông Nguyễn Bá L không phải chịu (thuộc trường hợp người cao tuổi), bà Nguyễn Lê Bảo T phải chịu là: $[112.000.000 \text{ đồng} + (0,1 \times 1.998.638.133 \text{ đồng})] = 113.998.638 \text{ đồng}$ (Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Lê Bảo T 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001989 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 51.500.000 đồng, ông L phải chịu là 30.900.000 đồng, bà T phải chịu là 20.600.000 đồng. Do ông L đã nộp tạm ứng trước (đã chi) nên bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền 20.600.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 457, Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá L đối với bị đơn bà Nguyễn Lê Bảo T về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Bá L về việc: Công nhận nội dung cam kết giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T được xác lập tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn viết ngày 04 tháng 10 năm 2018.

3. Chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T như sau:

3.1. Giao cho ông Nguyễn Bá L được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng có cấu trúc móng, trụ, khung, dầm dằng bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa mattic, sơn màu, mái đúc dán ngói, trần thạch cao, nền lót gạch men và gỗ, tổng diện tích sàn $294,6m^2$ và được quyền sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11, diện tích $262,7m^2$ tại địa chỉ số 01 đường N, lô 01-B1.20, khu đô thị sinh thái ven sông H - giai đoạn 1A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số DC 912556 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/7/2021 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T trị giá 14.996.595.331 đồng (Mười bốn tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi một đồng). Ngôi nhà và thửa đất có tứ cận như sau: Cạnh Bắc giáp đường L và ngôi nhà số 02 đường L, cạnh Nam giáp đường N, cạnh Đông giáp nhà số 03 đường N, cạnh Tây giáp đường N và đường L (có sơ đồ kèm theo).

3.2. Ông Nguyễn Bá L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho bà Nguyễn Lê Bảo T số tiền là 5.998.638.133 đồng (Năm tỷ chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

3.3. Ông Nguyễn Bá L có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số DC 912556 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/7/2021 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Lê Bảo T hiện ông Nguyễn Bá L đang cất giữ).

3.4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là thương hiệu Phở L và yêu cầu ông Nguyễn Bá L trả 350.000.000 đồng tiền thuê mặt bằng kinh doanh tại địa chỉ số 01 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng của bị đơn bà Nguyễn Lê Bảo T.

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí DSST ông Nguyễn Bá L không phải chịu (thuộc trường hợp người cao tuổi), bà Nguyễn Lê Bảo T phải chịu là: $[112.000.000 \text{ đồng} + (0,1 \times 1.998.638.133 \text{ đồng})] = 113.998.638 \text{ đồng}$ (Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Lê Bảo T 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

0001989 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 51.500.000đồng, ông L phải chịu là 30.900.000 đồng, bà T phải chịu là 20.600.000đồng. Do ông L đã nộp tạm ứng trước (đã chi) nên bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền 20.600.000đồng (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q.Cẩm Lệ;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

